

Bước 1: Liệt kê nội dung kiến thức kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I

S T T	NỘI DUNG	NL đặc thù môn GD KT&PL																Tổng					
		Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH				Câu hỏi	Lệnh hỏi	Thời gian	Tỉ lệ (%)		
		Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy									
		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu						Vận dụng	
		Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S					Ch TN	Lh Đ/S
1	Bài 1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế 1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế																						
2	2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế																						
3	Bài 2. Hội Nhập kinh tế quốc tế 3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế																						
4	Bài 3. Bảo hiểm 1. Bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm																						
5	Bài 4. An sinh xã hội 1. An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội																						
6	2. Vai trò của an sinh xã hội																						
7	Bài 5. Lập kế hoạch kinh doanh 2. Các bước lập kế hoạch kinh doanh																						
8	Bài 6. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện																						
9	2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp																						
Tổng câu hỏi																							
Tổng lệnh hỏi																							
Tỉ lệ		40%						30%						30%									
Tổng điểm		0						0						0									

Bước 2. Xác định đặc tả của ma trận

S T T	NỘI DUNG	YÊU CẦU KIẾN THỨC CẦN ĐẠT	Câu hỏi theo cấp độ tư duy																	
			Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH					
			Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy					
			Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng	
			Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S
1	Bài 1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế 1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế	Nhận biết: - Nêu được khái niệm, các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. Thông hiểu: Nhận xét được những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Vận dụng: - Có khả năng tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Thực hiện được các vấn đề về tăng trưởng và phát triển kinh tế.																		
2	2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế		X		X	X	X	X							X		X	X	X	X
3	Bài 2. Hội Nhập kinh tế quốc tế 3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	Nhận biết: Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. Vận dụng: - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước.	X					X	X						X				X	X
4	Bài 3. Bảo hiểm 1. Bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm	Nhận biết: Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm. Vận dụng: Thực hiện được trách nhiệm của công dân về bảo hiểm bằng việc làm cụ thể và phù hợp.													X				X	X
5	Bài 4. An sinh xã hội 1. An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội	Nhận biết: Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. Thông hiểu: Giải thích được vai trò của an sinh xã hội. Vận dụng: Thực hiện được trách nhiệm của cộng dân về an sinh xã hội bằng việc làm cụ thể và phù hợp.													X		X	X	X	X
6	2. Vai trò của an sinh xã hội																			
7	Bài 5. Lập kế hoạch kinh doanh 2. Các bước lập kế hoạch kinh doanh	Thông hiểu: - Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh. - Mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân. Vận dụng: Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân.										X	X	X	X					
8	Bài 6. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện	Nhận biết: Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thông hiểu: Trình bày được các hình thức và ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Vận dụng: Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.	X		X	X	X	X							X		X	X	X	X
9	2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp																			

Bước 3, 4, 5:

- Với thời gian kiểm tra là 50 phút, ta tính toán theo đề kiểm tra trắc nghiệm với nhiều phương án lựa chọn và trắc nghiệm Đúng/Sai.

- Ta có bảng tính toán như sau:

STT	NỘI DUNG	Thời lượng giảng dạy	Tỉ lệ (%)	Số điểm tương đương	Số điểm cân chỉnh	Tỉ lệ (%) điểm sau điều chỉnh	Tổng số câu TN	Tổng số lệnh hỏi Đ/S
1	Bài 1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế 1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế	4 tiết	33,34%	3,334	3,25	32,5%	8	5
2	2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế							
3	Bài 2. Hội Nhập kinh tế quốc tế 3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	1 tiết	8,33%	0,833	0,75	7,5%	2	1
4	Bài 3. Bảo hiểm 1. Bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm	1 tiết	8,33%	0,833	0,75	7,5%	2	1
5	Bài 4. An sinh xã hội 1. An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội	2 tiết	16,67%	1,667	2,0	20%	4	4
6	2. Vai trò của an sinh xã hội							
7	Bài 5. Lập kế hoạch kinh doanh 2. Các bước lập kế hoạch kinh doanh	1 tiết	8,33%	0,833	0,75	7,5%	2	1
8	Bài 6. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện	3 tiết	25,0%	2,5	2,5	25,0%	6	4
9	2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp							
Tổng		12 tiết	100%	10	10	100%	24	16
Tỉ lệ		100%						
Tổng điểm					10		10	

- Cân đối theo tỉ lệ cấp độ tư duy: nhận biết: thông hiểu: vận dụng là 4:3:3

- Đề kiểm tra sẽ có 24 câu trắc nghiệm với nhiều phương án lựa chọn (60%) và 4 câu trắc nghiệm Đúng/Sai (40%).

Bước 6, 7, 8, 9

S T T	NỘI DUNG	NL đặc thù môn GD KT&PL																Tổng			Tỉ lệ (%)		
		Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH				Câu hỏi	Lệnh hỏi	Thời gian			
		Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy									
		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu						Vận dụng	
		Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S	Ch TN	Lh Đ/S					Ch TN	Lh Đ/S
1	Bài 1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế 1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế	6		1	3											1	2	8	5	16,2	32,5%		
2	2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế																						
3	Bài 2. Hội Nhập kinh tế quốc tế 3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	2															1	2	1	3,6	7,5%		
4	Bài 3. Bảo hiểm												2				1	2	1	3,6	7,5%		

4	Bài 3. Bảo hiểm 1. Bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm	Nhận biết: Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm. Vận dụng: Thực hiện được trách nhiệm của công dân về bảo hiểm bằng việc làm cụ thể và phù hợp.												2					1
5	Bài 4. An sinh xã hội 1. An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội	Nhận biết: Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. Thông hiểu: Giải thích được vai trò của an sinh xã hội. Vận dụng: Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng việc làm cụ thể và phù hợp.												1			1	2	
6	2. Vai trò của an sinh xã hội																	2	2
7	Bài 5. Lập kế hoạch kinh doanh 2. Các bước lập kế hoạch kinh doanh	Thông hiểu: - Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh. - Mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân. Vận dụng: Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân.									1	1							
8	Bài 6. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện	Nhận biết: Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thông hiểu: Trình bày được các hình thức và ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Vận dụng: Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.	5																
9	2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp				1	2													2

Câu trắc nghiệm với nhiều phương án lựa chọn và câu trắc nghiệm Đúng/ Sai: đảm bảo theo mức độ 4:3:3, trong đó:

- **Nhận biết:** Mức độ 1 (nhận biết) được định nghĩa là sự nhớ, thuộc lòng, nhận biết được và có thể tái hiện lại các dữ liệu, các sự việc đã biết hoặc đã học trước đây. Điều đó có nghĩa là một học sinh có thể nhắc lại một loạt dữ liệu, từ các sự kiện đơn giản đến các khái niệm lí thuyết, tái hiện trong trí nhớ những thông tin cần thiết. Đây là mức độ hành vi thấp nhất đạt được trong lĩnh vực nhận thức. Những động từ thường dùng: Phát biểu được; nêu được, liệt kê được, kể ra được, nhắc lại được; nhận biết được; phân biệt được; thu thập được, trích dẫn được, tìm được thông tin.

- **Thông hiểu:** Mức độ 2 (thông hiểu) được định nghĩa là khả năng nắm bắt được ý nghĩa của tài liệu. Học sinh hiểu được các khái niệm cơ bản, có khả năng giải thích, diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có nêu câu hỏi và trả lời được các câu hỏi tương tự hoặc gần vớ các ví dụ đã được học trên lớp. Điều đó có thể được thể hiện bằng việc chuyển tài liệu từ dạng này sang dạng khác (từ các ngôn từ sang số liệu....), bằng cách giải thích được tài liệu (giải thích hoặc tóm tắt), mô tả theo ngôn từ của cá nhân. Hành vi ở mức độ này cao hơn so với mức độ nhận biết. Những động từ thường dùng: Trình bày được, mô tả được; giải thích được, diễn giải được; phân tích được, lí giải được; đánh giá được, nhận xét được.

- **Vận dụng:** Mức độ 3 là biết vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc tương tự trong học tập, cuộc sống. Học sinh vượt qua cấp độ hiểu đơn thuần và có thể sử dụng, xử lí các khái niệm của chủ đề trong các tình huống tương tự hoặc gần giống như tình huống đã gặp trên lớp. Điều đó có thể bao gồm việc áp dụng các quy tắc, phương pháp, khái niệm đã học vào xử lí các vấn đề trong học tập, trong đời sống thường ngày. Hành vi ở mức độ này cao hơn so với mức độ nhận biết và thông hiểu. Những động từ thường dùng: Phát hiện được, chỉ ra được; xác định được; thực hiện được; điều chỉnh được, kiểm soát được; thích ứng được; hình thành được; đồng tình, ủng hộ hoặc nhắc nhở, khích lệ, giúp đỡ; không đồng tình hoặc phê phán, phản đối; áp dụng được; lập được, thiết kế được, xây dựng được; có khả năng tham gia; đề xuất được, thực hiện được, lựa chọn được.

HIỆU TRƯỞNG

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Huy Cường

Bước 1: Liệt kê nội dung kiến thức kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I

S T T	NỘI DUNG	NL đặc thù môn GD KT&PL																Tổng					
		Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH				Câ u hỏi	Lệ nh hỏi	Thời gian	Ti lệ (%)		
		Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy									
		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu						Vận dụng	
		C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T Đ	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T Đ	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	Lh Đ/ S					C h T N	L h Đ /S
1	Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường 1. Khái niệm cạnh tranh																						
2	2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh																						
3	3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế																						
4	4. Cạnh tranh không lành mạnh																						
5	Bài 2. Cung, cầu trong kinh tế thị trường 1. Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu																						
6	2. Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung																						
7	Mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế																						
8	Bài 3. Thị trường lao động 1. Khái niệm lao động																						
9	2. Khái niệm thị trường																						
10	3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường																						
11	Bài 4. Việc làm 1. Khái niệm việc làm																						
12	2. Khái niệm thị trường việc làm																						
13	3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm																						
14	Bài 5. Thất nghiệp 1. Khái niệm thất nghiệp																						
15	2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất																						

		kinh tế.																		
5	Bài 2. Cung, cầu trong kinh tế thị trường 3. Mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế	Nhận biết: - Nêu được mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế. Thông hiểu: - Giải thích và dự đoán, phân biệt được các trường hợp thuộc biểu hiện của mối quan hệ cung – cầu. Vận dụng: - Xác định được trách nhiệm của bản thân và gia đình theo tín hiệu, biến động của cung, cầu trên thị trường khi tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. - Phát hiện ra và giải quyết được tình huống cơ bản trong đời sống theo quy luật quan hệ cung – cầu.	X		X	X	X	X							X		X	X	X	X
6	Bài 3. Thị trường lao động 3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường	Nhận biết: - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. Thông hiểu: - Giải thích được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường trong thực tiễn. Vận dụng và vận dụng cao: - Xem xét và làm rõ xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường trong các tình huống cụ thể. - Phát hiện ra và đề xuất những hoạt động lao động phù hợp với gia đình ngoài giờ học để thích ứng với xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.						X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	
7	Bài 4. Việc làm 3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm	Nhận biết: - Nhận ra được khái niệm việc làm, thị trường việc làm và mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. Thông hiểu: - Mô tả được việc làm tồn tại dưới những hình thức nào. - Phân biệt được các chủ thể kinh tế tham gia thị trường việc làm. - Giải thích được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. Vận dụng: - Làm sáng tỏ trách nhiệm hoàn thiện bản thân để lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. - Xem xét và phát hiện ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm thông qua tình huống cụ thể.						X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	
8	Bài 5. Thất nghiệp 2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp	Nhận biết: - Liệt kê được các loại hình thất nghiệp. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế được thất nghiệp. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.																		
9	4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp	- Mô tả vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế được thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. Vận dụng: - Làm sáng tỏ vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế được thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Xem xét và phát hiện ra những hành vi chấp hành và	X		X	X	X	X							X		X	X	X	

		phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.																	
10	Bài 7. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh 1. Ý tưởng kinh doanh	Nhận biết: - Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh. - Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.																	
11	4. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Thông hiểu: - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định năng lực cần thiết của người kinh doanh. Vận dụng: - Phân tích và làm sáng tỏ được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.						X		X	X	X	X	X		X	X	X	X
12	Bài 8. Đạo đức kinh doanh 2. Các biểu hiện của đạo đức kinh doanh	Nhận biết: - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh; - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. Thông hiểu: - Giải thích được tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh đối với người kinh doanh. - Mô tả được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh Vận dụng: - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. - Phê phán những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.	X		X	X	X	X						X		X	X	X	X

Bước 3, 4, 5:

- Với thời gian kiểm tra là 45 phút, ta tính toán theo đề kiểm tra trắc nghiệm với nhiều phương án lựa chọn và trắc nghiệm Đúng/Sai.

- Ta có bảng tính toán như sau:

STT	NỘI DUNG	Thời lượng giảng dạy	Tỉ lệ (%)	Số điểm tương đương	Số điểm cân chỉnh	Tỉ lệ (%) điểm sau điều chỉnh	Tổng số câu TN	Tổng số lệnh hỏi Đ/S
1	Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường 1. Khái niệm cạnh tranh	3 tiết	25%	2.5	2.0	20%	6	2
2	2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh							
3	3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế							
4	4. Cạnh tranh không lành mạnh							
5	Bài 2. Cung, cầu trong kinh tế thị trường 3. Mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế	1 tiết	8%	0.8	1.0	10%	3	1
6	Bài 3. Thị trường lao động 3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường	1 tiết	8%	0.8	1.0	10%	2	2
7	Bài 4. Việc làm 3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm	1 tiết	8%	0.8	1.0	10%	2	2
8	Bài 5. Thất nghiệp 2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp	2 tiết	17%	1.7	1.5	15%	3	3
9	4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp							
10	Bài 7. Ý tưởng, cơ hội	2 tiết	17%	1.7	1.5	15%	3	3

	kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh 1. Ý tưởng kinh doanh							
11	4. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh							
12	Bài 8. Đạo đức kinh doanh 2. Các biểu hiện của đạo đức kinh doanh	2 tiết	17%	1.7	2.0	20%	5	3
Tổng		12 tiết	100%	10	10	100%	24	16
Tỉ lệ		100%						
Tổng điểm				10				10

- Cân đối theo tỉ lệ cấp độ tư duy: nhận biết: thông hiểu: vận dụng là 4:3:3

- Đề kiểm tra sẽ có 24 câu trắc nghiệm với nhiều phương án lựa chọn (60%) và 4 câu trắc nghiệm Đúng/Sai (40%).

Bước 6, 7, 8, 9

S T T	NỘI DUNG	NL đặc thù môn GD KT&PL																		Tổng			Ti lệ (%)
		Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH						Câu hỏi	Lệnh hỏi	Thời gian	
		Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy									
		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng					
		C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S				
1	Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường 1. Khái niệm cạnh tranh	1		1	0	0	0							3	0	0	1	1	1	6	2	8,6	20%
2	2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh																						
3	3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế																						
4	4. Cạnh tranh không lành mạnh																						
5	Bài 2. Cung, cầu trong kinh tế thị trường 3. Mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế	0		0	0	0	0							2		1	0	0	1	3	1	4,3	10%
6	Bài 3. Thị trường lao động 3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường							0		2	0	0	0	0		0	2	0	0	2	2	4,6	10%
7	Bài 4. Việc làm 3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm							2		0	0	0	1	0		0	0	0	1	2	2	4,6	10%
8	Bài 5. Thất nghiệp 2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp	0		0	0	0	0							3		0	2	0	1	3	3	7	15%
9	4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp																						
10	Bài 7. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh 1. Ý tưởng kinh doanh							3		0	1	0	0	0		0	1	0	1	3	3	7	15%
11	4. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh																						
12	Bài 8. Đạo đức	2		0	0	0	0							0		0	1	3	2	5	3	8.9	20%

	kinh doanh 2. Các biểu hiện của đạo đức kinh doanh																						
Tổng câu hỏi		3		1				5		2				8		1		4		24		45	100
Tổng lệnh hỏi										1		1					7		7		16		
Tỉ lệ		40%						30%						30%							100	100	
Tổng điểm		4.0						3.0						3.0							10		

Bước 9: Điều chỉnh đặc tả phù hợp với ma trận:

S T T	NỘI DUNG	YÊU CẦU KIẾN THỨC CẦN ĐẠT	Câu hỏi theo cấp độ tư duy																		
			Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH						
			Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						
			Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		
			C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	
1	Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường 1. Khái niệm cạnh tranh	Nhận biết: - Nêu được khái niệm, nguyên nhân, vai trò của cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh. - Nhận ra được các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. - Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động của cạnh tranh lành mạnh trong kinh tế thị trường. Thông hiểu: - Đưa ra ví dụ về cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh trong nền kinh tế. - Phân biệt được các loại cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh - Nhận xét được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. Vận dụng: - Có khả năng phân tích và giải quyết được những tình huống về các loại cạnh tranh, tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.	1		1	0	0	0							3	0	0	1	1	1	
2	2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh																				
3	3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế																				
4	4. Cạnh tranh không lành mạnh																				
5	Bài 2. Cung, cầu trong kinh tế thị trường 3. Mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế	Nhận biết: - Nêu được mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế. Thông hiểu: - Giải thích và dự đoán, phân biệt được các trường hợp thuộc biểu hiện của mối quan hệ cung – cầu. Vận dụng: - Xác định được trách nhiệm của bản thân và gia đình theo tín hiệu, biến động của cung, cầu trên thị trường khi tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. - Phát hiện ra và giải quyết được tình huống cơ bản trong đời sống theo quy luật quan hệ cung – cầu.	0		0	0	0	0							2		1	0	0	0	1
6	Bài 3. Thị trường lao động 3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường	Nhận biết: - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. Thông hiểu: - Giải thích được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường trong thực tiễn. Vận dụng và vận dụng cao: - Xem xét và làm rõ xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường trong các tình huống cụ thể. - Phát hiện ra và đề xuất những hoạt động lao động phù hợp với gia đình ngoài giờ học để							0		2	0	0	0	0		0	2	0	0	0

		thích ứng với xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.																	
7	Bài 4. Việc làm 3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm	Nhận biết: - Nhận ra được khái niệm việc làm, thị trường việc làm và mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. Thông hiểu: - Mô tả được việc làm tồn tại dưới những hình thức nào. - Phân biệt được các chủ thể kinh tế tham gia thị trường việc làm. - Giải thích được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. Vận dụng: - Làm sáng tỏ trách nhiệm hoàn thiện bản thân để lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. - Xem xét và phát hiện ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm thông qua tình huống cụ thể.						2		0	0	0	1	0		0	0	0	1
8	Bài 5. Thất nghiệp 2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp	Nhận biết: - Liệt kê được các loại hình thất nghiệp. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế được thất nghiệp. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. - Mô tả vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế được thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. Vận dụng: - Làm sáng tỏ vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế được thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Xem xét và phát hiện ra những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.																	
9	4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp		0		0	0	0	0						3		0	2	0	1
10	Bài 7. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh 1. Ý tưởng kinh doanh	Nhận biết: - Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh. - Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. Thông hiểu: - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định năng lực cần thiết của người kinh doanh. Vận dụng: - Phân tích và làm sáng tỏ được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.																	
11	4. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh							3		0	1	0	0	0		0	1	0	1
12	Bài 8. Đạo đức kinh doanh 2. Các biểu hiện của đạo đức kinh doanh	Nhận biết: - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh; - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. Thông hiểu: - Giải thích được tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh đối với người kinh doanh. - Mô tả được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh Vận dụng: - Vận động người thân trong	2		0	0	0	0						0		0	1	3	2

		gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. - Phê phán những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.																	
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Câu trắc nghiệm với nhiều phương án lựa chọn và câu trắc nghiệm Đúng/ Sai: đảm bảo theo mức độ 4:3:3, trong đó:

- **Nhận biết:** Mức độ 1 (nhận biết) được định nghĩa là sự nhớ, thuộc lòng, nhận biết được và có thể tái hiện lại các dữ liệu, các sự việc đã biết hoặc đã học trước đây. Điều đó có nghĩa là một học sinh có thể nhắc lại một loạt dữ liệu, từ các sự kiện đơn giản đến các khái niệm lý thuyết, tái hiện trong trí nhớ những thông tin cần thiết. Đây là mức độ hành vi thấp nhất đạt được trong lĩnh vực nhận thức. Những động từ thường dùng: Phát biểu được; nêu được, liệt kê được, kể ra được, nhắc lại được; nhận biết được; phân biệt được; thu thập được, trích dẫn được, tìm được thông tin.

- **Thông hiểu:** Mức độ 2 (thông hiểu) được định nghĩa là khả năng nắm bắt được ý nghĩa của tài liệu. Học sinh hiểu được các khái niệm cơ bản, có khả năng giải thích, diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có nêu câu hỏi và trả lời được các câu hỏi tương tự hoặc gần với các ví dụ đã được học trên lớp. Điều đó có thể được thể hiện bằng việc chuyển tài liệu từ dạng này sang dạng khác (từ các ngôn từ sang số liệu....), bằng cách giải thích được tài liệu (giải thích hoặc tóm tắt), mô tả theo ngôn từ của cá nhân. Hành vi ở mức độ này cao hơn so với mức độ nhận biết. Những động từ thường dùng: Trình bày được, mô tả được; giải thích được, diễn giải được; phân tích được, lí giải được; đánh giá được, nhận xét được.

- **Vận dụng:** Mức độ 3 là biết vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc tương tự trong học tập, cuộc sống. Học sinh vượt qua cấp độ hiểu đơn thuần và có thể sử dụng, xử lí các khái niệm của chủ đề trong các tình huống tương tự hoặc gần giống như tình huống đã gặp trên lớp. Điều đó có thể bao gồm việc áp dụng các quy tắc, phương pháp, khái niệm đã học vào xử lí các vấn đề trong học tập, trong đời sống thường ngày. Hành vi ở mức độ này cao hơn so với mức độ nhận biết và thông hiểu. Những động từ thường dùng: Phát hiện được, chỉ ra được; xác định được; thực hiện được; điều chỉnh được, kiểm soát được; thích ứng được; hình thành được; đồng tình, ủng hộ hoặc nhắc nhở, khích lệ, giúp đỡ; không đồng tình hoặc phê phán, phản đối; áp dụng được; lập được, thiết kế được, xây dựng được; có khả năng tham gia; đề xuất được, thực hiện được, lựa chọn được.

HIỆU TRƯỞNG

NHÓM TRƯỞNG

Phan Thị Phụng

Bước 1: Liệt kê nội dung kiến thức kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I

S T T	NỘI DUNG	NL đặc thù môn GD KT&PL																Tổng					
		Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH				Câu hỏi	Lệnh hỏi	Thời gian	Tỉ lệ (%)		
		Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy									
		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu						Vận dụng	
		C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S						
1	Bài 1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội 1. Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất																						
	2. Hoạt động phân phối, trao đổi và vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi																						
2	Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế 1. Chủ thể sản xuất																						
	2. Chủ thể trung gian																						
	4. Chủ thể nhà nước																						
3	Bài 3. Thị trường 1. Khái niệm thị trường																						
	3. Chức năng của thị trường																						
4	Bài 4. Cơ chế thị trường 3. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường																						
	a) Giá cả thị trường																						
	b) Chức năng của giá cả thị trường																						
5	Bài 6. Thuế 1. Thuế và vai trò của thuế																						
	a. Thuế là gì?																						
	b. Vai trò của thuế																						
	3. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế																						
6	Bài 8. Tín dụng 1. Tín dụng và đặc điểm của tín dụng																						
	2. Vai trò của tín dụng																						
Tổng câu hỏi																							
Tổng lệnh hỏi																							
Tỉ lệ		40%						30%						30%									
Tổng điểm		0						0						0									

Bước 2. Xác định đặc tả của ma trận

S T T	NỘI DUNG	YÊU CẦU KIẾN THỨC CẦN ĐẠT	Câu hỏi theo cấp độ tư duy																	
			Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH					
			Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy					
			Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng	
			C h T N	L h Đ	C h T N	L h Đ	C h T Đ	L h Đ	C h T Đ	L h Đ	C h T Đ	L h Đ	C h T Đ	L h Đ	C h T Đ	L h Đ	C h T Đ	L h Đ	C h T Đ	L h Đ
1	Bài 1. Các hoạt động kinh tế	Nhận biết: -Nêu được khái niệm hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi.																		

	trong đời sống xã hội 1. Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất	- Liệt kê được nội dung hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. - Nêu được vai trò của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. Thông hiểu : - Đưa ra ví dụ về hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi.																	
	2. Hoạt động phân phối, trao đổi và vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi	- Khẳng định vai trò của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. Vận dụng: - Làm rõ được vai trò của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. - Giải quyết tình huống liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi.																	
2	Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế 1. Chủ thể sản xuất	Nhận biết: - Nêu được khái niệm chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. - Liệt kê được nội dung của chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. Thông hiểu : - Đưa ra được ví dụ về chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. - Trình bày được nội dung chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. Vận dụng: - Giải quyết được tình huống để phân loại đâu là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. - Giải quyết được tình huống để làm sáng tỏ vai trò của chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước.																	
	2. Chủ thể trung gian																		
	4. Chủ thể nhà nước																		
3	Bài 3. Thị trường 1. Khái niệm thị trường	Nhận biết: - Nêu được khái niệm thị trường. - Nêu được các chức năng của thị trường. - Kể tên các chức năng của thị trường. - Liệt kê các chức năng của thị trường. Thông hiểu: - Đưa ra được ví dụ về thị trường. - Khẳng định lại các chức năng của thị trường. - Trình bày các chức năng của thị trường - Đưa ra ví dụ các chức năng của thị trường Vận dụng: -Giải quyết hiện tượng biến động của thị trường. - Giải quyết tình huống để đưa ra các chức năng của thị trường																	
	3. Chức năng của thị trường																		
4	Bài 4. Cơ chế thị trường 3. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường a) Giá cả thị trường	Nhận biết: - Nêu được khái niệm giá cả thị trường. Thông hiểu: - Khẳng định lại khái niệm của giá cả thị trường. - Hiểu được khái niệm của giá cả thị trường. - Đưa ra các ví dụ về giá cả thị trường. Vận dụng: - Giải quyết những tình huống cơ bản liên quan đến giá cả thị trường.																	
	b) Chức năng của giá																		

Bước 3, 4, 5:

- Ta có bảng tính toán như sau:

16

3	Bài 3. Thị trường 1. Khái niệm thị trường	2 tiết	16.67 %	1.67	1.5	15 %	4	2
	3. Chức năng của thị trường							
4	Bài 4. Cơ chế thị trường 3. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường a) Giá cả thị trường	2 tiết	16.67 %	1.67	1.5	15 %	4	2
	b) Chức năng của giá cả thị trường							
5	Bài 6. Thuế 1. Thuế và vai trò của thuế	2 tiết	16.66 %	1.66	2	20%	3	5
	a. Thuế là gì?							
	b. Vai trò của thuế							
	3. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế							
6	Bài 8. Tín dụng 1. Tín dụng và đặc điểm của tín dụng	2 tiết	16.66 %	1.66	2	20%	5	3
	2. Vai trò của tín dụng							
Tổng		12 tiết	100%	10	10	100%	24	16
Tỉ lệ		100%						
Tổng điểm				10			10	

- Cân đối theo tỉ lệ mức độ nhận thức: nhận biết: thông hiểu: vận dụng là 4.0:3.0:3.0
- Đề kiểm tra sẽ có 24 câu trắc nghiệm (60%) và 4 câu lệnh hỏi đúng/sai (40%).

Bước 6, 7, 8

S T T	NỘI DUNG	NL đặc thù môn GD KT&PL																		Tổng				
		Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH						Câu hỏi	Lệnh hỏi	Thời gian	Tỉ lệ (%)	
		Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy										
		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng						
		C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S					
1	Bài 1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội 1. Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất	1																			4	2	6,6	15 %
	2. Hoạt động phân phối, trao đổi và vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi	1						1																
2	Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế 1. Chủ thể sản xuất				1			1													4	2	6,6	15%
	2. Chủ thể trung gian	1						1																
	4. Chủ thể nhà nước													1					1					
3	Bài 3. Thị trường 1. Khái niệm thị trường	1				1	1														4	2	6,6	15%
	3. Chức năng của thị trường							1			1			1										
4	Bài 4. Cơ chế thị trường 3. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường a) Giá cả thị trường	1												1							4	2	6,6	15%
	b) Chức năng của giá cả thị trường	1						1				1					1							
5	Bài 6. Thuế 1. Thuế và vai trò của thuế a. Thuế là gì?									1						1		1			3	5	9,6	20%
	b. Vai trò của thuế				1					1									1					
	3. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện						1					1												

	pháp luật thuế																			
6	Bài 8. Tín dụng																			
	1. Tín dụng và đặc điểm của tín dụng			1							1						1		5	3
	2. Vai trò của tín dụng				1					1	1	1					1			
	Tổng câu hỏi	6		1				6		2		2		4		1		2		24
	Tổng lệnh hỏi				3		2				4		2				1		4	16
	Tỉ lệ	40%				30%				30%										100
	Tổng điểm	4,0				3,0				3,0										10

Bước 9: Điều chỉnh đặc tả phù hợp với ma trận:

S T T	NỘI DUNG	YÊU CẦU KIẾN THỨC CẦN ĐẠT	Câu hỏi theo cấp độ tư duy																	
			Điều chỉnh hành vi						Phát triển bản thân						Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT - XH					
			Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy						Cấp độ tư duy					
			Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng		Biết		Hiểu		Vận dụng	
			C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S	C h T N	L h Đ /S
1	Bài 1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội 1. Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất	Nhận biết: -Nêu được khái niệm hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. - Liệt kê được nội dung hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. Thông hiểu : - Nêu được vai trò của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. Vận dụng: - Đưa ra ví dụ về hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. - Khẳng định vai trò của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. Vận dụng: - Làm rõ được vai trò của hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi. - Giải quyết tình huống liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi.	1									1			1					1
	2. Hoạt động phân phối, trao đổi và vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi		1						1											
2	Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế 1. Chủ thể sản xuất	Nhận biết: - Nêu được khái niệm chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. - Liệt kê được nội dung của chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. Thông hiểu : - Đưa ra được ví dụ về chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. - Trình bày được nội dung chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. Vận dụng: - Giải quyết được tình huống để phân loại đâu là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước. - Giải quyết được tình huống để làm sáng tỏ vai trò của chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể nhà nước.				1			1											
	3. Chủ thể trung gian		1						1											
	4. Chủ thể nhà nước													1						1
3	Bài 3. Thị trường 1. Khái niệm thị trường	Nhận biết: - Nêu được khái niệm thị trường. - Nêu được các chức năng của thị trường. Thông hiểu: - Kể tên các chức năng của thị trường. - Liệt kê các chức năng của thị trường. Vận dụng: - Đưa ra được ví dụ về thị trường. - Khẳng định lại các chức năng	1				1	1												
	3. Chức năng của thị trường								1			1		1						

		của thị trường. - Trình bày các chức năng của thị trường - Đưa ra ví dụ các chức năng của thị trường Vận dụng: -Giải quyết hiện tượng biến động của thị trường. - Giải quyết tình huống để đưa ra các chức năng của thị trường																	
	Bài 4. Cơ chế thị trường 3. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường a) Giá cả thị trường	Nhận biết: - Nêu được khái niệm giá cả thị trường. Thông hiểu: - Khẳng định lại khái niệm của giá cả thị trường. - Hiểu được khái niệm của giá cả thị trường. - Đưa ra các ví dụ về giá cả thị trường. Vận dụng: - Giải quyết những tình huống cơ bản liên quan đến giá cả thị trường.	1										1						
4	b) Chức năng của giá cả thị trường	Nhận biết: -Nêu được các chức năng của giá cả thị trường. - Kể tên các chức năng của giá cả thị trường. - Liệt kê các chức năng của giá cả thị trường. Thông hiểu: - Khẳng định lại các chức năng của giá cả thị trường. - Trình bày các chức năng của giá cả thị trường - Đưa ra ví dụ các chức năng của giá cả thị trường. Vận dụng: Giải quyết tình huống để đưa ra các chức năng của giá cả thị trường.	1					1					1				1		
	Bài 6. Thuế 1. Thuế và vai trò của thuế a. Thuế là gì?	Nhận biết: - Nêu được khái niệm thuế. - Kể tên một số loại thuế phổ biến. - Nêu được khái niệm thuế trực thu, thuế gián thu. - Nêu được vai trò của thuế.									1					1		1	
	b. Vai trò của thuế	- Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế.			1					1								1	
5	3. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế	Thông hiểu : - Phân biệt được thuế trực thu, thuế gián thu. - Trình bày được nội dung thuế trực thu, thuế gián thu, thuế có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội. - Đưa ra một số ví dụ về thuế. Vận dụng: - Giải quyết được tình huống để nói lên vai trò của thuế. - Giải quyết được tình huống nói về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế.					1					1							
	Bài 8. Tín dụng 1. Tín dụng và đặc điểm của tín dụng	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tín dụng. - Nêu được đặc điểm của tín dụng. - Nêu được vai trò của tín dụng.			1								1					1	
6	2. Vai trò của tín dụng	Thông hiểu : - Trình bày đặc điểm của tín dụng. - Đưa ra ví dụ về tín dụng. - Trình bày vai trò của tín dụng. Vận dụng:			1					1	1	1						1	

